TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 868/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-05-2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phủ,

2. Ông Nguyễn Duy Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **NTD**, sinh năm 1966,

Căn cước công dân: 079066020125.

Thường trú: Lô 2 Cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **TTM**, sinh năm 1968,

Căn cước công dân: 079168022775.

Thường trú: Lô 2 Cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông NTD trình bày*:

Ông và bà TTM tự nguyện kết hôn tại UBND Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh năm 1998. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi con lớn khoảng 03 tuổi, bà TTM vay nợ và vợ chồng có hòa giải nhiều lần để cùng nhau trả các khoản nợ. Tuy nhiên, sau khi các khoản nợ được trả xong, bà TTM vẫn tiếp tục tự vay mượn bên ngoài nhưng không biết sử dụng để làm gì và bỏ đi khỏi nhà cho đến nay; ông phải bươn chải kiếm sống để nuôi hai con chung và lo cho gia đình. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị ly hôn bà TTM.

- Về con chung: Có hai con chung tên NHP, sinh năm 2000 và NHK, sinh năm 2003. Hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà TTM:*

Bị đơn bà TTM đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/3/2024 và ngày 18/3/2024 nhưng bà TTM không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà TTM.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn ông NTD khởi kiện yêu cầu ly hôn bà TTM, trú tại quận Bình Thạnh, được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông NTD ly hôn bà TTM, hai con chung đã trưởng thành nên không giải quyết, về tài sản và nợ chung: ông NTD không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Danh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét ông NTD khởi kiện yêu cầu ly hôn bà TTM, thường trú: Lô 2 Cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với xác minh của Công an Phường 27, quận Bình Thạnh tháng 01/2024, và bà TTM không cư trú tại địa chỉ Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo trả lời của Công an Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 đối với Quyết định số 1448/2024/QĐ-CCTLCC ngày 15/05/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét nguyên đơn ông NTD có Đơn đề ngày 12/3/2024 đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn ông NTD.

Xét bị đơn bà TTM đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà TTM.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 071 quyển số 01/98 ngày 10 tháng 12 năm 1998 và Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông NTD và bà TTM là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông NTD đã được giải thích, hòa giải, động viên đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông NTD vẫn giữ yêu cầu ly hôn bà TTM do bà TTM đã bỏ đi khỏi nhà cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và những lần triệu tập này đều được đăng phát công khai trên phương tiện thông tin nhưng bà TTM không đến tham gia, không có ý kiến đối với khởi kiện của ông NTD nên có đủ cơ sở xác định bà TTM đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người vợ trong quan hệ hôn nhân với ông NTD. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của ông NTD và bà TTM không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ Khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và Gia đình, khởi kiện của ông NTD yêu cầu ly hôn bà TTM có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của ông NTD, ông NTD và bà TTM có hai con chung tên NHP, sinh ngày 14/3/2000 và NHK, sinh ngày 19/6/2003. Xét hai con chung của ông NTD và bà TTM đã trưởng thành và ông Danh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Xét ông NTD không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung, bà TTM không đưa ra ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông NTD phải chịu án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông NTD được ly hôn bà TTM.

2. Về con chung: Ông NTD và bà TTM có hai con chung tên NHP, sinh ngày 14/3/2000 và NHK, sinh ngày 19/6/2003. Hai con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông NTD phải chịu, được cấn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0029287 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông NTD đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường Y, Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân